

Số: /BC-SNNMT

Lâm Đồng, ngày tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách đối với Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Thực hiện quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết), cụ thể như sau:

I. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Vấn đề cần giải quyết

Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ về khuyến nông (có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2026, thay thế Nghị định số 83/2018/NĐ-CP) giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông, khuyến nông cộng đồng phù hợp với điều kiện của địa phương (khoản 1 Điều 22); đồng thời quy định kinh phí khuyến nông địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm, việc sử dụng phải căn cứ nội dung, mức chi cụ thể do địa phương ban hành (Điều 18, Điều 19). Trong khi đó, tỉnh Lâm Đồng hiện chưa có Nghị quyết riêng của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thống nhất nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông áp dụng trên phạm vi toàn tỉnh sau hợp nhất đơn vị hành chính. Hiện nay, vẫn đang áp dụng các Nghị quyết của HĐND các tỉnh trước sắp xếp như: Nghị quyết 186/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sắp xếp) về quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương; Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sắp xếp) về Quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sắp xếp) về việc quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Nếu không kịp thời ban hành Nghị quyết, từ ngày 20/8/2026 (thời điểm Nghị định số 268/2026/NĐ-CP có hiệu lực và thay thế Nghị định số 83/2018/NĐ-CP), địa phương sẽ thiếu căn cứ pháp lý để lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí khuyến nông, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã và các đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến nông, đồng thời gây khó khăn cho công tác quản lý, kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

2. Nguyên nhân

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực/không còn phù hợp về căn cứ pháp lý khi Nghị định số 268/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

- Nhiều nội dung mới về chính sách khuyến nông tại Nghị định số 268/2026/NĐ-CP (như chính sách hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình với mức hỗ trợ, đối tượng, địa bàn cụ thể hơn trước; chính sách xã hội hóa khuyến nông) chưa được cụ thể hóa các mức chi tại địa phương.

- Việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh đặt ra yêu cầu thống nhất một chính sách, mức chi khuyến nông chung cho toàn tỉnh Lâm Đồng, tránh áp dụng chắp vá các quy định cũ của các địa phương trước khi hợp nhất.

II. MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH

1. Tạo hành lang pháp lý đầy đủ, kịp thời, thống nhất để tổ chức triển khai hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo đúng quy định của Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngay từ thời điểm Nghị định có hiệu lực từ ngày 20/8/2026.

2. Quy định nội dung chi, mức chi cụ thể, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, làm cơ sở để lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí khuyến nông công khai, minh bạch, đúng quy định.

3. Bảo đảm quyền lợi chính đáng của nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông, khuyến khích họ tích cực tham gia chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

4. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh theo hướng hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là thế mạnh của địa phương.

III. ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CHÍNH SÁCH

Căn cứ Điều 11, Điều 12 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách bao gồm:

- Đối tượng thực hiện chuyển giao công nghệ: khuyến nông nhà nước (Trung

tâm Khuyến nông, khuyến nông cơ sở), khuyến nông cộng đồng (cộng tác viên, chuyên gia, nhà khoa học, nông dân sản xuất giỏi, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia kiêm nhiệm hoạt động khuyến nông).

- Đối tượng nhận chuyển giao công nghệ, thụ hưởng chính sách: nông dân, người sản xuất (bao gồm hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật), chủ trang trại, tổ liên kết, tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị dự toán ngân sách các cấp có liên quan đến lập, phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí khuyến nông: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, Kho bạc Nhà nước.

IV. CÁC PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Trên cơ sở vấn đề, mục tiêu chính sách nêu trên, Báo cáo xây dựng và so sánh 02 phương án như sau:

Tiêu chí	Phương án 1: Không ban hành Nghị quyết (giữ nguyên hiện trạng)	Phương án 2: Ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi (kiến nghị chọn)
Cơ sở pháp lý	Tiếp tục vận dụng Thông tư số 75/2019/TT-BTC (căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực từ 20/8/2026) hoặc để Thủ trưởng đơn vị tự quyết định đối với nội dung chưa có mức chi - thiếu căn cứ pháp lý vững chắc, dễ rủi ro.	Có Nghị quyết riêng, căn cứ trực tiếp Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất.
Tác động ngân sách	Khó kiểm soát chi đúng mục đích, đúng định mức; nguy cơ chi sai, bị xuất toán khi thanh tra, kiểm toán ngân sách.	Mức chi rõ ràng, cụ thể, đúng khung Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, kiểm soát chi chặt chẽ, hạn chế thất thoát, lãng phí.
Tác động đến đối tượng thụ hưởng	Nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã không có căn cứ mức hỗ trợ cụ thể, dễ bị chậm hoặc không được chi trả kịp thời, giảm động lực tham gia khuyến nông.	Nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã được hưởng mức hỗ trợ rõ ràng, kịp thời, minh bạch, khuyến khích tham gia hoạt động khuyến nông, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật.
Tính khả thi, đồng	Không đồng bộ giữa các địa bàn sau hợp nhất tỉnh; dễ phát sinh	Áp dụng thống nhất trên toàn tỉnh Lâm Đồng (mới); đồng bộ với Kế

Tiêu chí	Phương án 1: Không ban hành Nghị quyết (giữ nguyên hiện trạng)	Phương án 2: Ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi (kiến nghị chọn)
bộ	khiếu nại, thắc mắc.	hoạch khuyến nông và tiến độ thực hiện Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Nội dung đánh giá tác động thực hiện theo khoản 2 Điều 29 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, gồm: tác động đối với hệ thống pháp luật; tác động về kinh tế - xã hội (trong đó tập trung đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước và đối tượng thụ hưởng theo yêu cầu); tác động về giới; tác động của thủ tục hành chính.

1. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Phương án 2 (ban hành Nghị quyết) bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; kịp thời thay thế các căn cứ dẫn chiếu tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC (xây dựng trên cơ sở Nghị định số 83/2018/NĐ-CP sắp hết hiệu lực). Phương án 1 (không ban hành) tiềm ẩn nguy cơ thiếu căn cứ pháp lý, dễ phát sinh khiếu nại, vướng mắc trong thanh tra, kiểm toán về sử dụng ngân sách.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

2.1. Tác động đến ngân sách nhà nước

a) Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách là ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh và cấp xã theo phân cấp), thực hiện theo nguyên tắc chi thường xuyên, được cân đối trong dự toán ngân sách hằng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường (giao Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị liên quan thực hiện) và ngân sách cấp xã, không phát sinh nguồn thu mới, không làm tăng bội chi ngân sách địa phương ngoài kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Về nguyên tắc, mức chi được đề xuất trên cơ sở kế thừa mức chi hiện hành tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC, được cập nhật theo mức trần hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị định số 268/2026/NĐ-CP (Điều 13, 14, 15, 19) và các Thông tư của Bộ Tài chính đang có hiệu lực về chế độ công tác phí, hội nghị, đào tạo, bồi dưỡng; do đó về cơ bản không làm phát sinh nhóm nội dung chi mới ngoài khả năng cân đối, mà chủ yếu là chuẩn hóa mức chi theo khung pháp lý mới. Một số nội dung có khả năng làm tăng chi so với quy định cũ (như mức hỗ trợ mô hình trình diễn tại địa bàn khó khăn tối đa 100%, hỗ trợ nhân rộng mô hình tối đa 60% chi phí xây dựng mô hình) cần được cân đối trong tổng mức kinh phí khuyến nông được

giao hằng năm, không vượt tổng dự toán chi thường xuyên đã được phê duyệt.

c) Ước tính tác động ngân sách theo từng nhóm nội dung chi (mức trần theo Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, làm cơ sở xây dựng mức chi cụ thể trình Hội đồng nhân dân tỉnh):

Nhóm nội dung chi	Mức hỗ trợ tối đa theo NĐ 268/2026/NĐ-CP	Nguồn kinh phí	Tính chất tác động ngân sách
Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng (Điều 13)	Tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở	Ngân sách địa phương (chi thường xuyên)	Kế thừa mức chi hiện hành; điều chỉnh theo mức lương cơ sở, chế độ công tác phí hiện hành.
Thông tin, truyền thông (Điều 14)	Tối đa 100% kinh phí thực hiện	Ngân sách địa phương	Ổn định, gắn với Kế hoạch khuyến nông hằng năm được duyệt.
Xây dựng mô hình trình diễn (Điều 15.1)	100% tại địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn; tối đa 50% tại địa bàn khác	Ngân sách địa phương	Có thể tăng so với quy định cũ đối với địa bàn khó khăn; cần ưu tiên bố trí trong tổng dự toán được giao.
Nhân rộng mô hình (Điều 15.2)	Tối đa 100% chi phí thông tin, hội nghị, tham quan; tối đa 60% chi phí giống, thiết bị, vật tư	Ngân sách địa phương	Mức hỗ trợ giống/vật tư nhân rộng mô hình tăng so với Thông tư số 75/2019/TT-BTC trước đây; cần cân đối trong tổng mức kinh phí được giao.
Tư vấn, dịch vụ khuyến nông (Điều 9 NĐ 268)	Theo thỏa thuận, hợp đồng hoặc mức chi tương ứng hoạt động đào tạo/thông tin truyền thông	Ngân sách địa phương và nguồn thu hợp pháp khác	Không phát sinh đột biến; có thể giảm áp lực ngân sách nếu huy động được nguồn xã hội hóa.
Hợp tác quốc tế về khuyến nông (Điều 10)	Theo hiệp định, thỏa thuận hoặc quy định hiện hành về công tác	Ngân sách địa phương (nếu có) và	Phát sinh không thường xuyên, tùy chương trình hợp tác cụ thể.

Nhóm nội dung chi	Mức hỗ trợ tối đa theo ND 268/2026/ND-CP	Nguồn kinh phí	Tính chất tác động ngân sách
ND 268)	phí, tiếp khách quốc tế	nguồn hợp pháp khác	
Kinh phí quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ (Điều 19.1. khoản e)	Tối đa 8% (tối đa 3% cơ quan quản lý, tối đa 5% tổ chức thực hiện)	Trích trong tổng kinh phí khuyến nông được giao	Không làm tăng tổng mức kinh phí; bảo đảm tối thiểu 92% kinh phí phục vụ trực tiếp nông dân.

(*) Ghi chú: Quy mô kinh phí cụ thể theo từng nội dung chi được xác định trên cơ sở Kế hoạch khuyến nông hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách địa phương từng thời kỳ.

d) Kinh phí quản lý chương trình, kế hoạch, dự án, nhiệm vụ khuyến nông được khống chế tối đa 8% tổng kinh phí thực hiện (trong đó tối đa 3% cho cơ quan quản lý và tối đa 5% cho tổ chức thực hiện) theo Điều 19 Nghị định số 268/2026/ND-CP, bảo đảm phần lớn kinh phí (tối thiểu 92%) được sử dụng trực tiếp cho các hoạt động chuyên môn phục vụ nông dân, không làm tăng chi phí quản lý hành chính.

đ) So sánh giữa hai phương án: Phương án 1 không làm phát sinh chi phí xây dựng, ban hành văn bản nhưng có nguy cơ chi sai, chi vượt định mức do thiếu căn cứ, dẫn đến rủi ro bị xuất toán, thu hồi khi thanh tra, kiểm toán - gây thiệt hại ngân sách lớn hơn so với chi phí xây dựng chính sách. Phương án 2 phát sinh chi phí xây dựng Nghị quyết không đáng kể (khảo sát, hội thảo, hội nghị lấy ý kiến, thẩm định) nhưng bảo đảm kiểm soát chi đúng mục đích, đúng định mức, hạn chế thất thoát, lãng phí ngân sách về lâu dài.

2.2. Tác động đến đối tượng thụ hưởng (nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã...)

Nhóm đối tượng thụ hưởng	Tác động cụ thể khi ban hành Nghị quyết	Mức độ ảnh hưởng
Nông dân, người sản xuất nhỏ, hộ nghèo	Được hỗ trợ chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở khi tham gia đào tạo, tập huấn, tham quan học tập; được hỗ trợ tối đa 100% chi phí khi tham gia mô hình trình diễn tại địa bàn khó khăn.	Tích cực - trực tiếp, mức hỗ trợ cao nhất trong các nhóm đối tượng.

Nhóm đối tượng thụ hưởng	Tác động cụ thể khi ban hành Nghị quyết	Mức độ ảnh hưởng
Đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ, người khuyết tật, địa bàn biên giới, hải đảo	Được ưu tiên đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; mức hỗ trợ đi lại, ăn ở cao hơn nhóm thông thường theo quy định.	Tích cực - trực tiếp, có chính sách ưu tiên riêng.
Tổ hợp tác, tổ liên kết, hợp tác xã	Được hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình gắn với liên kết chuỗi giá trị; được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển chuỗi liên kết theo quy định hiện hành khi tham gia nhân rộng mô hình.	Tích cực - trực tiếp, khuyến khích liên kết sản xuất quy mô lớn.
Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động khuyến nông	Được hỗ trợ một phần chi phí đào tạo (tối đa 50%); được vinh danh, quảng bá sản phẩm; hưởng chính sách ưu đãi thuế, phí, vay vốn, thuê đất khi tham gia xã hội hóa khuyến nông.	Tích cực - gián tiếp, khuyến khích xã hội hóa, giảm áp lực ngân sách.
Khuyến nông cộng đồng (cộng tác viên, chuyên gia, nông dân sản xuất giỏi)	Được hưởng 100% chế độ hỗ trợ khi tham gia giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn thực hành, thu hút tham gia chuyển giao kỹ thuật.	Tích cực - trực tiếp, tạo động lực tham gia mạng lưới khuyến nông cơ sở.

Nhìn chung, Phương án 2 tác động tích cực, trực tiếp đến các nhóm đối tượng thụ hưởng: mở rộng phạm vi, nâng mức hỗ trợ đối với địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khuyến khích phụ nữ tham gia; đồng thời tạo cơ chế khuyến khích xã hội hóa, thu hút hợp tác xã, doanh nghiệp cùng tham gia chuyển giao công nghệ, chia sẻ chi phí với ngân sách nhà nước, từ đó gia tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực công. Phương án 1 khiến các đối tượng nêu trên không có căn cứ mức chi cụ thể để được chi trả, hỗ trợ kịp thời, làm giảm động lực tham gia hoạt động khuyến nông, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

2.3. Tác động khác về kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng - an ninh

- Về sản xuất, kinh doanh: chính sách góp phần thúc đẩy chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng

suất, chất lượng, giá trị gia tăng của nông sản, hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị - phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh Lâm Đồng.

- Về việc làm: gián tiếp góp phần duy trì, tạo thêm việc làm ở khu vực nông thôn thông qua nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả, phát triển sinh kế.

- Về dân tộc, vùng khó khăn: chính sách có quy định ưu tiên hỗ trợ tối đa 100% chi phí xây dựng mô hình tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh - có tác động tích cực, hỗ trợ giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội.

- Về môi trường: khuyến khích mô hình nông nghiệp xanh, sinh thái, tuần hoàn, hữu cơ, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải - tác động tích cực đến môi trường.

- Về quốc phòng, an ninh: không phát sinh tác động bất lợi; chính sách góp phần ổn định sản xuất, đời sống nông dân tại địa bàn biên giới theo nguyên tắc ưu tiên tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP.

3. Tác động về giới

Chính sách không phân biệt đối xử về giới; Nghị định số 268/2026/NĐ-CP quy định ưu tiên phụ nữ tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và hoạt động khuyến nông (khoản 3 Điều 13). Việc cụ thể hóa mức chi tại Nghị quyết không làm phát sinh tác động tiêu cực về giới; ngược lại, tạo thêm cơ hội tiếp cận nguồn lực hỗ trợ bình đẳng cho lao động nữ khu vực nông thôn.

4. Tác động của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không đặt ra thủ tục hành chính mới đối với tổ chức, cá nhân; các thủ tục lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí khuyến nông tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn hiện hành. Việc quy định rõ nội dung chi, mức chi giúp đơn giản hóa, rút ngắn thời gian xét duyệt hồ sơ thanh, quyết toán do có căn cứ, định mức rõ ràng, thay vì phải xin ý kiến, vận dụng theo từng trường hợp cụ thể như hiện nay.

VI. GIẢI PHÁP ĐƯỢC LỰA CHỌN VÀ LÝ DO LỰA CHỌN

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động nêu trên, kiến nghị lựa chọn Phương án 2: xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, vì các lý do sau:

- Bảo đảm tuân thủ đầy đủ, kịp thời quy định của Nghị định số 268/2026/NĐ-CP, khắc phục khoảng trống pháp lý phát sinh từ ngày 20/8/2026;

- Tác động tích cực, trực tiếp đến quyền lợi của nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia hoạt động khuyến nông, đặc biệt là nhóm đối tượng ở địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Không làm phát sinh chi ngân sách vượt khả năng cân đối; kiểm soát chặt

chế chi phí quản lý, hạn chế thất thoát, lãng phí; tăng hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động khuyến nông so với việc không ban hành chính sách;

- Không phát sinh thủ tục hành chính mới, không có tác động tiêu cực về giới.

VII. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông là cần thiết, có cơ sở pháp lý, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tác động tích cực đến ngân sách nhà nước (kiểm soát chi đúng mục đích, đúng định mức) và đối tượng thụ hưởng chính sách (nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ tham gia hoạt động khuyến nông).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2026 có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2026) tại Kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 9/2026.

3. Đề nghị Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường cân đối, tham mưu cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã) cho hoạt động khuyến nông theo đúng phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời, hướng dẫn quy trình lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí theo quy định.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh của Sở Nông nghiệp và Môi trường Lâm Đồng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- Sở Tư pháp (để thẩm định);
- Trung tâm Khuyến nông (để thực hiện);
- Lưu: VT _(Lâm).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Đình Cường